

HỘI
ĐỒNG
NHÂN
DÂN
TỈNH
HẢI
DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
/2023/NQ-
HĐND

Hải Dương, ngày tháng 7 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023 - 2027

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ
Doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-
CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét Tờ trình số xxx/TTr-UBND ngày xxx tháng 7 năm 2023 của UBND
tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023 - 2027.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày xxx tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày xxx tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH-ĐT, TC, KH-CN, TT-TT, LĐ-TB, XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Báo Hải Dương;
- Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Ngọc Bích

HỘI
ĐỒNG
NHÂN
DÂN
TỈNH
HẢI
DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn
tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023 - 2027**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số xxx/2023/NQ-HĐND ngày xxx tháng 7 năm
2023 của HĐND tỉnh Hải Dương)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là DNNVV) trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023 - 2027, gồm hai nhóm chính sách: Nhóm chính sách hỗ trợ chung (hỗ trợ tiếp cận tín dụng; hỗ trợ thuế, kế toán; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ công nghệ, hỗ trợ cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ mở rộng thị trường; hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực) và nhóm chính sách hỗ trợ trọng tâm (hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Là các doanh nghiệp được thành lập và có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương; được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2021/NĐ-CP).

2. Các DNNVV thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến công tác hỗ trợ DNNVV.

Điều 3. Nguyên tắc và thời gian hỗ trợ

1. Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Hải Dương thực hiện kể từ khi có hiệu lực thi hành đến hết năm 2027.

Điều 4. Quy trình, thủ tục hỗ trợ

1. Quy trình hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

2. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ:

a) DNNVV được hỗ trợ thông qua các cơ quan, tổ chức hỗ trợ; DNNVV gửi Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ tới cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP;

b) Đối với nội dung hỗ trợ thông tin, phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV và hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 5 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT);

c) Đối với nội dung hỗ trợ tư vấn, công nghệ, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và khoản 3, Điều 5 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT;

d) Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT;

đ) Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV và có văn bản thông báo cho DNNVV theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP;

e) Hồ sơ thanh toán kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ DNNVV theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV có trách nhiệm hướng dẫn DNNVV về: Trình tự, thủ tục để doanh nghiệp nộp hồ sơ tham gia; quy trình lựa chọn, quy trình công bố các nội dung doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; trình tự thủ tục nhận hỗ trợ; cơ chế điều phối các bên liên quan trong thực hiện nội dung hỗ trợ do đơn vị chủ trì theo quy định.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 NHÓM CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUNG

Điều 6. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng

1. Hỗ trợ DNNVV xây dựng hồ sơ tiếp cận vốn, lập phương án sản xuất kinh doanh khả thi, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng.

2. Hỗ trợ DNNVV tiếp cận thông tin về các quỹ tài trợ, đầu tư, vốn vay ưu đãi nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của DNNVV.

Điều 7. Hỗ trợ thuế, kế toán

1. Hướng dẫn, hỗ trợ DNNVV các thủ tục hành chính về thuế và phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai chế độ kế toán đơn giản theo quy định của luật thuế và kế toán. Thực hiện các chính sách miễn, giảm, ưu đãi về thuế đối với DNNVV theo quy định của pháp luật về thuế, kịp thời triển khai, hướng dẫn các DNNVV áp dụng chính sách thuế khi có thay sự thay đổi liên quan đến DNNVV.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ và tuyên truyền trong công tác quản lý thuế, hạch toán và kê khai thuế theo phương pháp đơn giản đối với những doanh nghiệp siêu nhỏ.

3. Biên soạn tài liệu (sổ tay, tờ rơi, tờ gấp,...) hỗ trợ thủ tục đăng ký thuế, đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, chữ ký số và kê khai thuế điện tử; phối hợp với một số đơn vị tặng phần mềm kế toán miễn phí cho DNNVV.

4. Giới thiệu các đại lý thuế đủ điều kiện hoạt động tham gia thực hiện tư vấn, hướng dẫn các thủ tục hành chính về thuế và chế độ kế toán đối với DNNVV; các đơn vị cung cấp phần mềm, dịch vụ kế toán doanh nghiệp để triển khai các chương trình hỗ trợ kế toán đối với DNNVV.

Điều 8. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

1. Hỗ trợ giá thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh cho DNNVV trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng. Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNNVV được thực hiện thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với DNNVV. Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

2. Việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh quy định nêu trên không áp dụng đối với DNNVV có vốn đầu tư nước ngoài, DNNVV có vốn nhà nước.

Điều 9. Hỗ trợ công nghệ, hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung

1. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

2. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

3. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Điều 10. Hỗ trợ mở rộng thị trường

Miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời gian theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số DNNVV tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam.

Điều 11. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý

1. Hỗ trợ thông tin về các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển DNNVV, công khai các văn bản quy định về thủ tục hành chính và các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Tạo lập cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ cho công tác tra cứu, nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh; số hóa các lĩnh vực, dữ liệu (được phép chia sẻ) để phục vụ nhu cầu tra cứu, nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

3. Hình thành đầu mối tiếp nhận đăng ký hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh với email, website và số điện thoại đường dây nóng.

4. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh cho DNNVV (không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành) như sau:

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội;

b) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu

đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội;

c) Hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội.

Điều 12. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

1. Miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách Nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNNVV.

2. Tổ chức các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho DNNVV; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

3. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp:

a) Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho DNNVV;

b) Miễn học phí cho học viên của DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là doanh nghiệp xã hội khi tham gia khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp:

a) Miễn phí truy cập và tham gia các bài giảng trực tuyến có sẵn trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh;

b) Miễn phí tham gia các khóa đào tạo trực tuyến, tương tác trực tiếp với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các công cụ dạy học trực tuyến có sẵn ứng dụng trên các thiết bị điện tử thông minh của đối tượng được đào tạo (Zoom Cloud Meeting, Microsoft Teams, Google Classroom và các công cụ khác).

5. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến:

a) Hỗ trợ 70% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại DNNVV nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo tại DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là doanh nghiệp xã hội nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp.

6. Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của DNNVV khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào

tạo từ 03 tháng trở xuống. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo.

Mục 2

NHÓM CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRỌNG TÂM

Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. DNNVV được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hỗ trợ DNNVV, cụ thể:

a) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Miễn phí tư vấn, hướng dẫn hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp về: Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có);

b) Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan Đăng ký kinh doanh, miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia;

c) Được cung cấp văn bản liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh khi doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô;

d) Miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

đ) Miễn phí tư vấn, hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

e) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai đối với các hộ kinh doanh chuyển thành doanh nghiệp đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định;

Điều 14. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ DNNVV, cụ thể:

a) Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

b) Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

2. DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn để hỗ trợ theo một trong các phương thức quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

b) Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ về công nghệ: Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

đ) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu:

- Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm;

- Hỗ trợ 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

e) Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo:

- Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các sở, ngành thuộc tỉnh;

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử;

- Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

g) Hỗ trợ lãi suất khi DNNVV khởi nghiệp sáng tạo vay vốn trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện phương án, dự án sản xuất, kinh doanh: Ngân sách tỉnh cấp bù cho các khoản vay của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo thông qua các tổ chức tín dụng là 2%/năm.

Điều 15. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- a) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành;
- b) Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.

2. Phương thức lựa chọn DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Điều 16, 17 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ về đào tạo:

- Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.

b) Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường:

- Miễn phí tra cứu thông tin về các sự kiện kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi, quy trình tìm kiếm, xác định nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp đầu chuỗi trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các sở, ngành thuộc tỉnh;

- Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các sở, ngành thuộc tỉnh;

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và

không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế;

- Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

đ) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng:

- Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

e) Hỗ trợ lãi suất cho DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: Ngân sách tỉnh cấp bù cho các khoản vay của DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thông qua các tổ chức tín dụng là 2%/năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết này đến các đối tượng áp dụng của Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 18. Sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023 - 2027 nếu gặp vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp có ý kiến bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế tại địa phương./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Ngọc Bích